SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 316../2024/BBQT

BIÊN BẢN
Quan trắc môi trường

Hôm nay, vào hồi 8. giờ 10. phút, ngày 15. tháng 11.. năm 2024

Tại: Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Địa chỉ: Lô F4, KCN Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng.

Loại hình sản xuất.....

.....

Sản phẩm chính (sản lượng/tháng): .....

.....

Trung tâm Quan trắc môi trường tiến hành quan trắc môi trường phục vụ:

Trả kết quả quan trắc và phân tích theo yêu cầu của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Theo những nội dung sau:

1. Quan trắc và lấy mẫu nước thải tại vị trí sau:

- Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1).....

- Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ (nước thải lẫn dầu). Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2).

2. Quan trắc và lấy mẫu nước mưa không lẫn dầu tại vị trí sau:

- Mẫu nước tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303689X; 608579Y. (MN1).

3. Quan trắc và lấy mẫu khí thải tại vị trí sau:.....

Tại ống xả của bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel (KT1) .....

4. Quan trắc và lấy mẫu môi trường không khí, tiếng ồn tại các vị trí sau:

- Trong khu vực xưởng sản xuất (xưởng đóng gói) (K1) .....

- Trong khu vực nhà pha chế (K2).....

.....

.....

.....

.....

Điều kiện thời tiết/khí tượng: Trời nhiều mây

Hướng gió Đông Bắc tốc độ gió 1,6 m/s,

Nhiệt độ 28 °C, độ ẩm tương đối 56 %, áp suất 1012 kPa.

Tình trạng hoạt động (đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cơ sở đang hoạt động khác):

Tại thời điểm quan trắc và lấy mẫu Công ty vẫn đang hoạt động Sản Xuất bình thường.

Việc quan trắc kết thúc vào hồi: 10 giờ 50 phút, ngày 13 tháng 11 năm 2024 Có sự chứng kiến của:

1. Đại diện Trung tâm Quan trắc môi trường:

Ông Nguyễn Chí Hiếu

2. Đại diện Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron:

Ông Bùi Văn Tuấn

3. Đại diện Trung tâm tư vấn và Truyền thông môi trường

Ông Trần Việt Hoàng

Biên bản được lập xong vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 13 tháng 11 năm 2024, các bên tham dự nhất trí thông qua./.

Đại diện nhân dân *(nếu cần)*	**Đại diện Cơ sở**	**Đại diện cơ quan quản lý** *(nếu cần)*	**Trung tâm QTMT**
	Bùi Văn Tuấn		Nguyễn Chí Hiếu

Đại diện Trung tâm tư vấn và Truyền thông môi trường

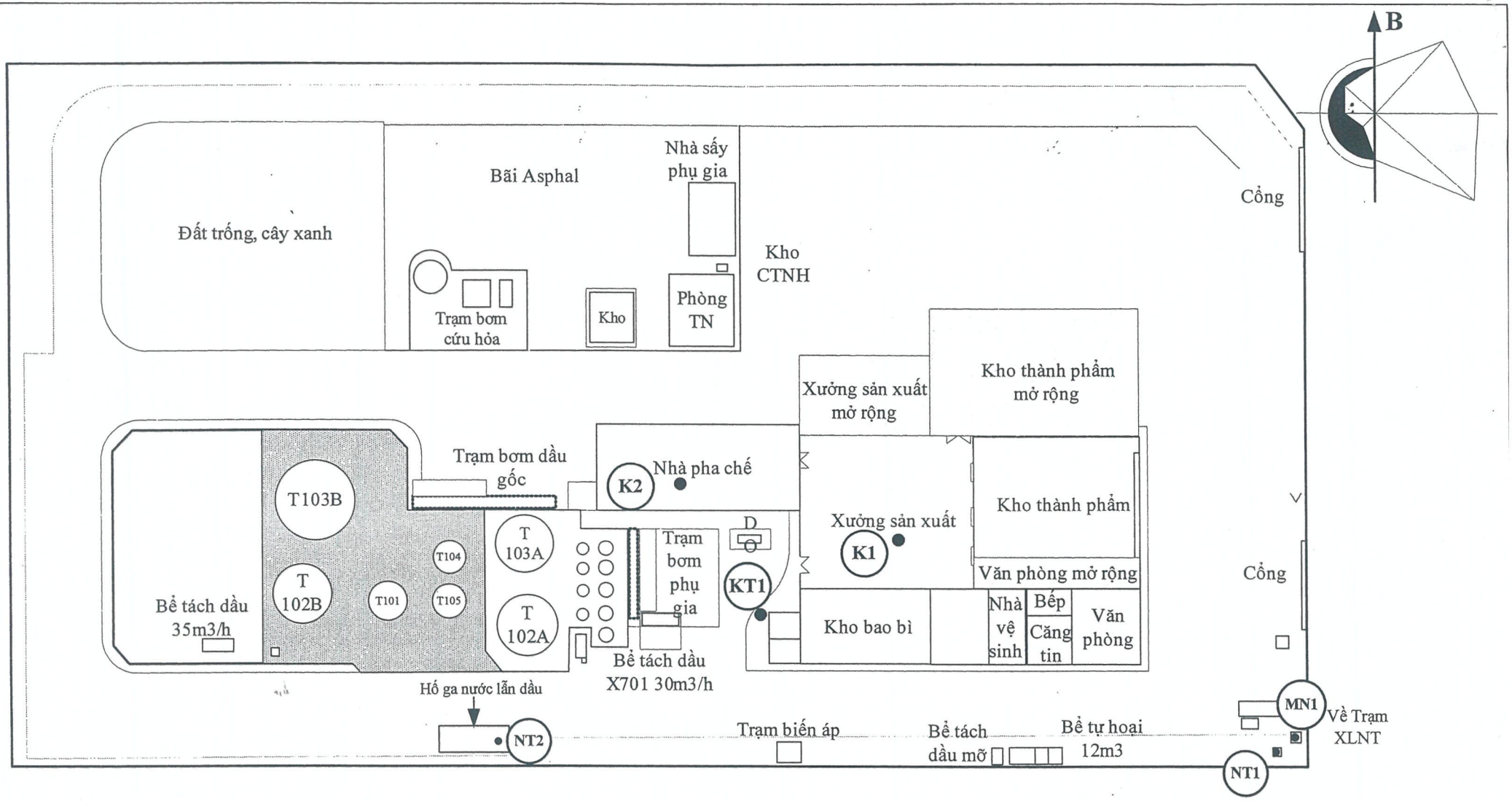
Trần Việt Hoàng

Các thông số quan trắc hiện trường và phân tích môi trường do Trung tâm Quan trắc môi trường thực hiện theo GCN số 20/GCN-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (VIMCERT 008) hoặc những nhà thầu phụ thực hiện đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo các Quyết định được phê duyệt.

Danh sách các nhà thầu phụ:

1. Trung tâm Quan trắc môi trường – Tổng cục Môi trường (VIMCERT 027).
2. Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn lâm và Khoa học Công nghệ Việt Nam (VIMCERT 079).
3. Viện Khoa học và Công nghệ môi trường – Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội (VIMCERT 055).
4. Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích môi trường (VIMCERT 006).
5. Công ty Cổ phần quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương (VIMCERT 163).

...



Ghi chú:

Ngày thực hiện: 13/11/2024

ĐKTT : Trời nhiều mây; nhiệt độ trung bình 28,0°C, áp suất 101,2 kPa, độ ẩm tương đối 56%, hướng gió chủ đạo Đông Bắc , tốc độ gió 1,6m/s;

K: Vị trí quan trắc và lấy mẫu không khí và đo tiếng ồn;

KT: Vị trí quan trắc và lấy mẫu khí thải tại nguồn thải;

NT: Vị trí quan trắc và lấy mẫu nước thải;

MN: Vị trí lấy mẫu nước mưa.

SỞ TN& MT HẢI PHÒNG **TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**	**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUAN TRẮC LẤY MẪU** **Khách hàng**: Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam. **Địa điểm lấy mẫu**: Lô F4, KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.	
GIÁM ĐỐC	**THỰC HIỆN**	**KIỂM TRA**
ĐÀM VĂN QUỲNH	**NGUYỄN CHÍ HIẾU**	**NGUYỄN VĂN TIẾP**

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 951 /2024/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ *Name of sample*	: ***Mẫu không khí.***	Ngày lấy mẫu/ *Date of sample*	: ***13/11/2024***
Tên khách hàng/ *Name of clients*	: ***Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam.***	Ngày phân tích/ *Date of test*	: ***13 – 25/11/2024***
Địa điểm lấy mẫu/ *Place of sample*	: ***Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.***		
Thời tiết/ *Weather*	: ***Nhiệt độ trung bình 28,0^{0}C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 56,0%.***		

TT/ *No.*	**Tên mẫu/** *Name of sample*	**Mã số mẫu/** *Sample ID*
1	Mẫu không khí trong khu vực xưởng sản xuất (xưởng đóng gói). (K1)	**11131475**
2	Mẫu không khí trong khu vực nhà pha chế. (K2)	**11131476**

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2024.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Tiếp

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG T. HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

VIMCERTS 009 VILAS 249

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 951 /2024/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Phương pháp/ *Methods*	KẾT QUẢ/*RESULTS*		*QCVN*	
			11131475	**11131476**		
1	Tiếng ồn (**) *(dBA)*	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	68,4	65,6	*85*	***QCVN 24:2016/ BYT***
2	Bụi toàn phần (**) *(mg/m^3)*	QCVN 02-2019/BYT	0,54	0,39	*8,0*	***QCVN 02:2019/ BYT***
3	CO (**) *(mg/m^3)*	CEC.KLV.HT.10	2,47	2,24	*20,0*	***QCVN 03:2019/ BYT***
4	SO_2 (**) *(mg/m^3)*		0,68	0,42	*5,0*	***QCVN 03:2019/ BYT***
5	NO_2 (**) *(mg/m^3)*		0,52	0,41	*5,0*	***QCVN 03:2019/ BYT***
6	Hydrocacbon (**) *(n-Octane) (mg/m^3)*	NIOSH 1500 MDL=0,02mg/m^3	ND	ND	-	

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- NIOSH: *National Institute for Occupational Safety and Health.*
- (**): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường - CEC.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*
- ND: Không phát hiện/ *Not detected.*

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

HACEM VIMCERTS 008 VILAS 249

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 952 /2024/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÍ THẢI
RESULT OF EMISSION MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ *Name of sample*	: ***Mẫu khí thải.***	Ngày lấy mẫu/ *Date of sampling*	: ***13/11/2024***
Tên khách hàng/ *Name of clients*	: ***Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam.***	Ngày phân tích/ *Date of test*	: ***13 – 25/11/2024***
Địa điểm lấy mẫu/ *Place of sample*	: ***Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.***		
Thời tiết/ *Weather*	: ***Nhiệt độ trung bình 28,0^{0}C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 56,0%.***		

TT/ *No.*	**Tên mẫu/** *Name of sample*	**Mã số mẫu/** *Sample ID*
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608679Y. (KT1)	**11131477**

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2024.

TM. NHÓM QT&PT	**KT. TRƯỞNG PHÒNG** **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**	**GIÁM ĐỐC**
Phạm Duy Dương		
Nguyễn Thị Hải Âu	**Nguyễn Văn Tiếp**	**Đàm Văn Quỳnh**

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

VIMCERTS 008 VILAS 249

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 952 /2024/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ *No.*	**Thông số/** *Parameters*	**Phương pháp/** *Methods*	**Đơn vị/** *Unit*	**KẾT QUẢ/** *Results*	***QCVN 19:2009/ BTNMT-*** *Cột B (Kp = 1,0; Kv = 1,0)*
				11131477	
1	**Lưu lượng**	US EPA Method 2	m^3/h	1500,0	-
2	**Bụi tổng**	US EPA Method 5	mg/Nm^3	18,7	*200*
3	**CO**	QT –HT.41 (#)	mg/Nm^3	7,22	*1000*
4	**Lưu huỳnh đioxit, SO_2**	QT –HT.41 (#)	mg/Nm^3	3,49	*500*
5	**Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO_2)**	QT –HT.41 (#)	mg/Nm^3	1,13	*850*

- US EPA: US Environmental Protection Agency.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 953 /2024/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ *Name of sample* : ***Mẫu nước thải.***

Ngày lấy mẫu/ *Date of sampling* : ***13/11/2024***

Tên khách hàng/ *Name of clients* : ***Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam.***

Ngày phân tích/ *Date of test* : ***13 – 25/11/2024***

Địa điểm lấy mẫu/ *Place of sample* : ***Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.***

TT/ *No.*	**Tên mẫu/** *Name of sample*	**Mã số mẫu/** *Sample ID*
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	**11131479**
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ (nước thải lẫn dầu). Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	**11131480**

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2024.

TM. NHÓM QT&PT	**KT. TRƯỞNG PHÒNG** **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**	**GIÁM ĐỐC**
Phạm Duy Dương	**Nguyễn Thị Hải Âu**	**Nguyễn Văn Tiếp**	**Đàm Văn Quỳnh**

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 953 /2024/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ *No.*	Thông số/ *Parameters*	Phương pháp/ *Methods*	Đơn vị/ *Unit*	KẾT QUẢ/*RESULTS*		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ[1]
				11131479	11131480	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,20	7,26	*5-9*
2	BOD_5 (20°C) (*)	TCVN 6001-1:2008	*mg/l*	48,1	(-)	*500*
3	COD	SMEWW 5220B&C:2023	*mg/l*	104,7	66,0	*500*
4	Chất rắn lơ lửng (*)	SMEWW 2540D:2023	*mg/l*	55,6	45,3	*500*
5	Asen	SMEWW 3114B:2023	*mg/l*	0,0050	0,0036	*0,1*
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2023 MDL = 0,00032mg/l	*mg/l*	ND	ND	*0,01*
7	Chì	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0033mg/l	*mg/l*	ND	ND	*0,5*
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0015mg/l	*mg/l*	ND	ND	*0,1*
9	Tổng phenol	SMEWW 5530B&D:2023	*mg/l*	0,062	0,071	*0,5*
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	*mg/l*	1,1	0,84	*10*
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	*mg/l*	1,6	(-)	*30*
12	Amoni (*) (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	*mg/l*	8,0	(-)	*10*
13	Tổng nitơ (*)	TCVN 6638:2000	*mg/l*	32,2	(-)	*40*
14	Tổng phốt pho (tính theo P) (*)	SMEWW 4500P.B&E:2023	*mg/l*	2,8	(-)	*6*
15	Coliform	SMEWW 9221B:2023	*MPN/ 100ml*	$46x10^2$	(-)	10^4

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.* ND: Không phát hiện/ *Not detected*
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.
- [1] Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 954 /2024/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ *Name of sample*	: ***Mẫu nước.***	Ngày lấy mẫu/ *Date of sampling*	: ***13/11/2024***
Tên khách hàng/ *Name of clients*	: ***Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam.***	Ngày phân tích/ *Date of test*	: ***13 - 25/11/2024***
Địa điểm lấy mẫu/ *Place of sample*	: ***Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.***		

TT/ *No.*	**Tên mẫu/** *Name of sample*	**Mã số mẫu/** *Sample ID*
1	Mẫu nước tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303689X; 608579Y. (MN1)	**11131478**

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 29 tháng 11 năm 2024.

TM. NHÓM QT&PT	**KT. TRƯỞNG PHÒNG** **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**	**GIÁM ĐỐC**
Phạm Duy Dương	**Nguyễn Thị Hải Âu**	**Nguyễn Văn Tiếp**	**Đàm Văn Quỳnh**

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 954 /2024/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ *No.*	**Thông số/** *Parameters*	**Phương pháp/** *Methods*	**Đơn vị/** *Unit*	**KẾT QUẢ/** *RESULTS*
				11131478
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1
2	COD	SMEWW 5220B&C:2023	*mg/l*	12,1
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(*)	SMEWW 2540D:2023	*mg/l*	22,4
4	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	*mg/l*	0,0033
5	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0015mg/l	*mg/l*	ND
6	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0033mg/l	*mg/l*	ND
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023 MDL = 0,00016mg/l	*mg/l*	ND
8	Tổng Phenol	US.EPA Method 420.1 MDL = 0,001mg/l	*mg/l*	ND
9	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	SMEWW 5520B:2023	*mg/l*	0,72

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*
- ND: Không phát hiện/ *Not detected.*
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- US EPA: US Environmental Protection Agency.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/*The methods were approved by VILAS*; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/*The methods are performing by subcontractors*; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory – developed methods.*
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ *The test result is valid for analysed sample only.*
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ *The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM*

QT - Chevron

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.8226/25.11.2024

Khách hàng : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ : Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam- Lô 4, KCN Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng
Mã đơn hàng : 24.3388
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 13/11/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 13/11/2024 - 25/11/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
				K1
1	Tiếng ồn L_{aeq}	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	*dBA*	68,4
2	CO	CEC.KLV.HT.10	*mg/m³*	2,47
3	SO_2	CEC.KLV.HT.10	*mg/m³*	0,68
4	NO_2	CEC.KLV.HT.10	*mg/m³*	0,52
5	Bụi toàn phần	QCVN 02-2019/BYT	*mg/m³*	0,54
6	Hydrocacbon (n-Octane)	NIOSH 1500	*mg/m³*	KPH (MDL=0,02)

- Vị trí lấy mẫu:
*- **K1***: Trong khu vực xưởng sản xuất (xưởng đóng gói).

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330
Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.8227/25.11.2024

Khách hàng : **TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ : Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam- Lô 4, KCN Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng
Mã đơn hàng : 24.3388
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 13/11/2024 **Thời gian thử nghiệm** : 13/11/2024 - 25/11/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
				K2
1	Tiếng ồn L_{aeq}	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	*dBA*	65,6
2	CO	CEC.KLV.HT.10	*mg/m³*	2,24
3	SO_2	CEC.KLV.HT.10	*mg/m³*	0,42
4	NO_2	CEC.KLV.HT.10	*mg/m³*	0,41
5	Bụi toàn phần	QCVN 02-2019/BYT	*mg/m³*	0,39
6	Hydrocacbon (n-Octane)	NIOSH 1500	*mg/m³*	KPH (MDL=0,02)

- Vị trí lấy mẫu:
*- **K2***: Trong khu vực nhà pha chế.

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

TL. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3 "-": Không quy định *4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp*